

5. BẢNG 05: ĐẤT Ở
BẢNG 5.56. XÃ SÔNG MÃ

(Kèm theo Công văn số: /UBND-KT ngày 20 tháng 11 năm 2025 của UBND xã Sông Mã)

Đơn vị: nghìn đồng/m²

STT	Tên tuyến đường	Giá đất					Ghi chú
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	
1	Đường Cách mạng tháng 8						
1.1	Từ ngã tư giao với đường Lý Tự Trọng đến ngã tư giao với đường 19 tháng 5	15.230	9.140	6.860	4.570	2.290	
1.2	Từ ngã tư giao với đường 19/5 đến ngã ba giao với đường Nguyễn Đình Chiểu	14.250	8.550	6.420	4.280	2.140	
1.3	Từ ngã ba Trung tâm y tế đến ngã ba giao với đường Võ Thị Sáu	10.920	6.560	4.920	3.280	1.640	
1.4	Từ ngã ba giao với đường Võ Thị Sáu đến đường rẽ Lý Tự Trọng	11.900	7.140	5.360	3.570	1.790	
1.5	Từ ngã ba giao với đường Nguyễn Đình Chiểu đến ngã tư Ngân hàng Nông nghiệp	13.860	8.320	6.240	4.160	2.080	
2	Đường Hồ Xuân Hương	14.780	8.870	6.650	4.440	2.220	
3	Đường 19 tháng 5						
3.1	Từ ngã tư (đèn tín hiệu giao thông) đến Cầu Treo cũ (hết đất nhà bà Văn Anh)	15.230	9.140	6.860	4.570	2.290	
3.2	Từ ngã tư (đèn tín hiệu giao thông) đến ngã ba giao với đường Nguyễn Đình Chiểu	9.750	5.850	4.390	2.920	1.460	
4	Đường Hoàng Văn Thụ						
4.1	Từ đầu cầu cống đến đường Cách mạng tháng 8	11.760	7.060	5.300	3.530	1.770	
4.2	Từ đầu cầu cống đến ngã tư giao với đường Mùng 8/3, Hoàng Công Chất	8.730	5.240	3.310	2.210	1.110	
5	Đường Lò Văn Giá						
5.1	Từ ngã ba giáp đường 19/5 đến ngã ba giáp đường Lý Tự Trọng	14.780	8.870	6.650	4.440	2.220	
5.2	Từ ngã ba giáp đường Lý Tự Trọng đến ngã tư cầu cống Tô dân phố 5	8.960	5.380	4.040	2.690	1.350	
6	Đường Lê Văn Tám	13.860	8.320	6.240	4.160	2.080	
7	Đường Nguyễn Đình Chiểu						
7.1	Từ M21 tính từ đường Cách mạng tháng 8 đến giáp đường Thanh niên	9.950	5.970	4.480	2.990	1.500	
7.2	Từ M21 tính từ đường Cách mạng tháng 8 đến hết ông Hoàng Văn Thuyền (số nhà 7)	9.110	5.460	4.100	2.730	1.370	
7.3	Đoạn Từ hết đất nhà ông Hoàng Văn Thuyền (khu vực kênh thoát nước tổ dân phố 4) đến hết đất nhà bà Lò Thị Hoa (số nhà 57)	7.070	4.250	3.190	2.130	1.070	
7.4	Từ hết đất nhà bà Hoa (Công an xã) đến hết đất M21 đường Cách mạng Tháng Tám	6.090	3.660	2.750	1.830	920	
8	Phố Hai Bà Trưng	11.000	6.600	4.950	3.300	1.650	
9	Đường Mông 2 tháng 9						
9.1	Từ Chợ Công đồng đến ngã ba bản Địa	8.960	5.380	4.040	2.690	1.350	
9.2	Từ ngã ba bản Địa đến hết đất nhà ông Tổng Văn O (số nhà 41)	5.500	3.300	2.480	1.650	830	
9.3	Từ vị trí tiếp giáp đất nhà ông Tổng Văn O (số nhà 41) đến hết đất nhà ông Lợi	4.220	2.530	1.900	1.270	640	
10	Đường Biên Hòa						
10.1	Từ ngã ba Chợ cộng đồng đến hết đất trụ sở Nhà máy nước	8.060	4.830	3.630	2.420	1.210	
10.2	Từ hết đất trụ sở Nhà máy nước đến cầu Nà Hin	6.650	3.990	3.000	2.000	1.000	
11	Đường Thanh Niên						
11.1	Từ ngã ba giao với đường 19/5 (Đất nhà ông Thiện Hào) đến ngã ba giao với đường Nguyễn Đình Chiểu	11.000	6.600	4.950	3.300	1.650	
11.2	Từ ngã ba giao với Đường Nguyễn Đình Chiểu đến ngã ba Chợ cộng đồng	9.530	5.720	4.290	2.860	1.430	
12	Đường Nguyễn Thái Học	7.230	4.340	3.260	2.170	1.090	
13	Đường Võ Thị Sáu	6.290	3.770	2.840	1.890	950	
14	Đường Lý Tự Trọng						
14.1	Từ M21 tính từ Quốc lộ 4G đến hết đất Công an xã	8.060	4.830	3.630	2.420	1.210	
14.2	Từ hết đất Công an xã đến hết đường	5.040	3.030	2.270	1.520	760	
15	Đường Lê Hồng Phong						
15.1	Từ đất Trung tâm y tế huyện cũ đến giáp đất nhà ông Lê Hữu Ngọc	9.950	5.970	4.480	2.990	1.500	
15.2	Từ đường vào Tổ Cảnh sát PCCC và CNCH khu vực Sông Mã đến đất nghĩa trang liệt sỹ huyện cũ	6.000	3.600	2.700	1.800	900	
15.3	Từ hết đất cây xăng Anh Trang đến đường vào Tổ Cảnh sát PCCC và CNCH khu vực Sông Mã	7.000	4.200	3.150	2.100	1.610	
15.4	Từ đất nhà ông Lê Hữu Ngọc đến hết đất cây xăng Anh Trang	6.300	3.780	2.840	1.890	1.380	
16	Phố Nguyễn Du (từ UBND thị trấn Sông Mã (cũ) đến nhà văn hóa tổ dân phố 4 và từ đầu nhà ông Nguyễn Mạnh Hà đến điểm cuối là nhà ông Dương Quốc Viên)						
16.1	Từ UBND thị trấn Sông Mã (cũ) đến nhà văn hóa tổ dân phố 4	9.810	5.890	4.420	2.950	1.480	
16.2	Từ đầu nhà ông Nguyễn Mạnh Hà đến điểm cuối là nhà ông Dương Quốc Viên	5.380	3.220	2.420	1.610	810	
17	Từ đầu cầu cống tổ dân phố 5 đến vị trí 1 đường Lê Hồng Phong và vị trí 1 đường Lò Văn Giá	9.470	5.680	4.260	2.840	1.420	
18	Đường Quốc lộ 4G						
-	Đoạn đường từ đất nghĩa trang liệt sỹ huyện hướng đi Sơn La đến hết địa phận Tổ dân phố 7, xã Sông Mã	4.000	2.400	1.800	1.200	920	
19	Đường 8/3						
19.1	Từ ngã 3 (giữa đường Hoàng Văn Thụ và đường 8/3) đến hết đất Chi cục Thuế	7.800	3.600	2.700	1.800	1.200	
19.2	Từ giáp đất Chi cục Thuế đến hết đất nhà bà Nguyễn Thị Lan	5.850	2.700	2.030	1.350	900	
19.3	Từ giáp đất nhà bà Nguyễn Thị Lan đến hết địa phận tổ dân phố 8 (hướng đi xã Huổi Một cũ)	3.600	1.800	1.350	900	600	
20	Đường Hoàng Công Chất						
20.1	Từ ngã 3 (giữa đường Hoàng Văn Thụ và đường 8/3) đến hết đất ao Tiểu đoàn cũ	6.930	4.160	2.840	1.890	1.260	
20.2	Từ hết đất ao Tiểu đoàn cũ (hướng đi xã Mường Lầm cũ) đến đường lên trường mầm non Sao Mai	6.360	3.820	2.610	1.740	1.160	
20.3	Từ đường lên trường mầm non Sao Mai đến hết đất tổ dân phố 11 (đến giáp đất nhà ông Lò Văn Tiến)	2.100	1.260	950	630	420	
21	Từ ngã tư giao với đường Hùng Vương (nhà ông Dương, ông Phụng) đến giáp vị trí 1 đường 8/3	7.090	1.580	1.190	790	530	
22	Đường Tỉnh lộ 113						
22.1	Từ cầu Nà Hin đến hết đất Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	840	510	380	260	170	
22.2	Từ hết đất Trung tâm dịch vụ nông nghiệp đến đường vào bản Co Phường và đoạn từ hết đất nhà ông Phan (Ngoan) đến hết đất bản Phòng Sài	270	210	160	140	110	
22.3	Từ M21 hướng đi Nà Hin - Phòng Sài đến hết đất nhà ông Phan (Ngoan)	920	560	420	280	190	
22.4	Các bản khác còn lại trên đường Tỉnh lộ 113	140	110	100	90	80	
23	Quốc lộ 12 (Sông Mã - Bó Sinh)						
-	Đoạn đường thuộc địa phận tổ dân phố 11 (từ đất nhà ông Lò Văn Tiến) đến hết địa giới xã Sông Mã	250	200	150	130	100	
24	Trục đường giao thông chính; khu dân cư						
24.1	Phố Hoàng Quốc Việt (từ ngã ba Viên Kiểm sát (từ M21 tính từ đường Cách mạng tháng 8) đến, giáp vị trí 1 đường Lò Văn Giá)	3.990	2.400	1.800	1.200	600	
24.2	Từ M21 giao với đường Cách mạng tháng 8 (Nhà bà Cẩm Thị Ngọc Yến) đến hết nhà ông Tường Thế Tá (số nhà 20)	3.410	2.040	1.540	1.020	510	
24.3	Đường Lê Văn Lương Từ ngã ba xăng dầu TDP 11 (từ M21 tính từ đường Cách mạng tháng 8) đến hết đất nhà ông Trần Văn Tiến số nhà 20)	3.410	2.040	1.540	1.020	510	
24.4	Đường Chu Văn An (Từ nhà ông Lương Văn Thương (từ M21 tính từ đường Cách mạng tháng 8) đến hết đất nhà ông Đỗ Ngọc Thảo)	3.990	2.400	1.800	1.200	600	
24.5	Đường Chu Văn An (Đường lên trường PTTH (từ mét 21 tính từ đường Lê Văn Tám) đến hết nhà ông Lò Văn Chính)	3.920	2.360	1.770	1.180	590	
24.6	Phố Đào Tấn (từ nhà ông Biên (từ M21 tính từ đường Cách mạng T8) đến vị trí 1 đường Thanh Niên.	3.920	2.360	1.770	1.180	590	
24.7	Phố Bến Phà (Đường từ đất trường Mầm Non (từ M21 tính từ đường Lê Văn Tám) đến vị trí 1 đường Thanh Niên)	3.060	1.840	1.380	920	460	
24.8	Từ nhà ông Hồng (Tính từ M21 đường Hoàng Văn Thụ đến hết đất kho Công ty thương nghiệp cũ)	3.530	2.130	1.590	1.070	540	
24.9	Phố Nguyễn Lương Bằng (từ vị trí tiếp giáp đất nhà ông Lò Văn Nghĩa (số nhà 90) đến đường Thanh Niên	2.940	1.770	1.330	890	450	
24.10	Phố Lý Thường Kiệt (từ vị trí tiếp giáp đất nhà ông Lê Duy Ninh (số nhà 80) đến đường Thanh niên	2.940	1.770	1.330	890	450	
24.11	Phố Ngô Gia Tự (từ vị trí tiếp giáp đất nhà ông Khổng Văn Tào (số nhà 70) đến đường Thanh niên	2.940	1.770	1.330	890	450	
24.12	Phố Kim Đồng (từ vị trí tiếp giáp đất Bưu điện đến hết đất nhà ông Hùng	2.940	1.770	1.330	890	450	
24.13	Từ vị trí tiếp giáp đất nhà ông Nguyễn Tiến Dũng (số nhà 19) đến hết đất nhà ông Dương Văn Quảng	2.360	1.410	1.070	710	360	

STT	Tên tuyến đường	Giá đất					Ghi chú
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	
24.14	Từ hết đất nhà bà Trần Thị Dinh (số nhà 225) đến nhà ông Đặng Văn Biên - Sảng (số nhà 02, tổ dân phố 5)	1.570	940	710	480	240	
24.15	Từ M21 tính từ đường Cách Mạng Tháng Tám (ông Lò Văn Chính số nhà 142) đến M21 đường Lò Văn Giá (ông An Hải Hậu số nhà 11)	1.970	1.180	890	590	300	
24.16	Từ hết đất Trạm y tế thị trấn Sông Mã cũ (nay thuộc xã Sông Mã) đến hết đất bể bơi (ông Chuyển) và đường rẽ từ đường Hoàng Công Chất đến ngã 3 nhà bà Vũ Thị Thanh Hải	530	320	250	160	110	
24.17	Từ hết đất bể bơi (ông Chuyển) đến hết đất nhà ông Anh (Hương)	420	260	190	130	90	
25	Khu đô thị phía Tây Sông Mã						
25.1	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/500 khu phía tây Sông Mã- thị trấn Sông Mã (Khu 6 và Khu 9) cũ (nay thuộc xã Sông Mã)						
-	Đường Hùng Vương	10.400					
-	Đường Lê Thái Tông	7.270					
-	Phố Phạm Văn Đồng	5.690					
-	Phố Lý Nam Đế	3.850					
-	Đường Nguyễn Huệ	7.080					
-	Phố An Dương Vương	3.510					
25.2	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu đô thị Hưng Mai - Thị trấn Sông Mã cũ (nay thuộc xã Sông Mã)						
-	Đường Hùng Vương	10.400					
-	Võ Nguyên Giáp	10.400					
-	Đường quy hoạch 13,5 m	7.500					
-	Đường quy hoạch 11,5 m	6.000					
-	Đường quy hoạch 7,5 m	4.000					
-	Đường quy hoạch 6,5 m	3.500					
-	Đường quy hoạch 5,5 m	3.000					

6. BẢNG 06: ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
BẢNG 6.56. SÔNG MÃ

(Kèm theo Công văn số: /UBND-KT ngày 20 tháng 11 năm 2025 của UBND xã Sông Mã)

Đơn vị: nghìn đồng/m2

STT	Tên tuyến đường	Giá đất					Ghi chú
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	
1	Đường Cách mạng tháng 8						
1.1	Từ ngã tư giao với đường Lý Tự Trọng đến ngã tư giao với đường 19 tháng 5	12.325	7.395	5.560	3.700	1.950	
1.2	Từ ngã tư giao với đường 19/5 đến ngã ba giao với đường Nguyễn Đình Chiểu	11.535	6.920	5.195	3.460	1.820	
1.3	Từ ngã ba Trung tâm y tế đến ngã ba giao với đường Võ Thị Sáu	8.840	5.305	3.980	2.655	1.390	
1.4	Từ ngã ba giao với đường Võ Thị Sáu đến đường rẽ Lý Tự Trọng	9.640	5.780	4.335	2.890	1.520	
1.5	Từ ngã ba giao với đường Nguyễn Đình Chiểu đến ngã tư Ngân hàng Nông nghiệp	11.220	6.735	5.050	3.370	1.770	
2	Đường Hồ Xuân Hương	11.960	7.175	5.390	3.590	1.890	
3	Đường 19 tháng 5						
3.1	Từ ngã tư (đèn tín hiệu giao thông) đến Cầu Treo cũ (hết đất nhà bà Văn Anh)	12.325	7.395	5.560	3.700	1.950	
3.2	Từ ngã tư (đèn tín hiệu giao thông) đến ngã ba giao với đường Nguyễn Đình Chiểu	7.890	4.735	3.555	2.365	1.240	
4	Đường Hoàng Văn Thụ						
4.1	Từ đầu cầu cứng đến đường Cách mạng tháng 8	9.520	5.715	4.285	2.860	1.500	
1	Đường Hoàng Văn Thụ	0	0	0	0		
4.2	Từ đầu cầu cứng đến ngã tư giao với đường Mùng 8/3, Hoàng Công Chất	6.545	3.930	2.680	1.785	1.190	
5	Đường Lò Văn Giá						
5.1	Từ ngã ba giáp đường 19/5 đến ngã ba giáp đường Lý Tự Trọng	11.960	7.175	5.390	3.590	1.890	
5.2	Từ ngã ba giáp đường Lý Tự Trọng đến ngã tư cầu cứng Tổ dân phố 5	7.260	4.355	3.265	2.180	1.150	
6	Đường Lê Văn Tám	11.220	6.735	5.050	3.370	1.770	
7	Đường Nguyễn Đình Chiểu						
7.1	Từ M21 tính từ đường Cách mạng tháng 8 đến giáp đường Thanh niên	8.050	4.830	3.625	2.415	1.280	
7.2	Từ M21 tính từ đường Cách mạng tháng 8 đến hết ông Hoàng Văn Thuyền (số nhà 7)	7.370	4.420	3.315	2.210	1.160	
7.3	Đoạn Từ hết đất nhà ông Hoàng Văn Thuyền (khu vực kênh thoát nước tổ dân phố 4) đến hết đất nhà bà Lò Thị Hoa (số nhà 57)	5.730	3.435	2.576	1.720	910	
7.4	Từ hết đất nhà bà Hoa (Công an xã) đến hết đất M21 đường Cách mạng Tháng Tám	4.930	2.960	2.220	1.480	780	
8	Phố Hai Bà Trưng	8.900	5.340	4.005	2.670	1.400	
9	Đường Mông 2 tháng 9						
9.1	Từ Chợ Công đồng đến ngã ba bản Địa	7.260	4.355	3.265	2.180	1.150	
9.2	Từ ngã ba bản Địa đến hết đất nhà ông Tông Văn O (số nhà 41)	4.675	2.805	2.110	1.405	710	
9.3	Từ vị trí tiếp giáp đất nhà ông Tông Văn O (số nhà 41) đến hết đất nhà ông Lợi	3.590	2.160	1.615	1.080	540	
10	Đường Biên Hòa						
10.1	Từ ngã ba Chợ cộng đồng đến hết đất trụ sở Nhà máy nước	6.520	3.910	2.935	1.955	1.030	
10.2	Từ hết đất trụ sở Nhà máy nước đến cầu Nà Hìn	5.390	3.230	2.425	1.615	850	
11	Đường Thanh Niên						
11.1	Từ ngã ba giao với đường 19/5 (Đất nhà ông Thiện Hào) đến ngã ba giao với đường Nguyễn Đình Chiểu	8.900	5.340	4.005	2.670	1.400	
11.2	Từ ngã ba giao với Đường Nguyễn Đình Chiểu đến ngã ba Chợ cộng đồng	8.110	4.865	3.650	2.435	1.220	
12	Đường Nguyễn Thái Học	5.850	3.520	2.635	1.755	930	
13	Đường Võ Thị Sáu	5.095	3.055	2.295	1.530	810	
14	Đường Lý Tự Trọng						
14.1	Từ M21 tính từ Quốc lộ 4G đến hết đất Công an xã	6.520	3.910	2.935	1.955	1.030	
14.2	Từ hết đất Công an xã đến hết đường	4.080	2.450	1.840	1.225	650	
15	Đường Lê Hồng Phong						
15.1	Từ đất Trung tâm y tế huyện cũ đến giáp đất nhà ông Lê Hữu Ngọc	8.050	4.830	3.625	2.415	1.280	
15.2	Từ đường vào Tổ Cảnh sát PCCC và CNCH khu vực Sông Mã đến đất nghĩa trang liệt sỹ huyện cũ	5.100	3.060	2.295	1.530	1.020	
15.3	Từ hết đất cây xăng Anh Trang đến đường vào Tổ Cảnh sát PCCC và CNCH khu vực Sông Mã	5.950	3.570	2.680	1.785	1.190	
15.4	Từ đất nhà ông Lê Hữu Ngọc đến hết đất cây xăng Anh Trang	5.100	3.060	2.295	1.530	1.020	
16	Phố Nguyễn Du (từ UBND thị trấn Sông Mã (cũ) đến nhà văn hóa tổ dân phố 4 và từ đầu nhà ông Nguyễn Mạnh Hà đến điểm cuối là nhà ông Dương Quốc Viên)						
16.1	Từ UBND thị trấn Sông Mã (cũ) đến nhà văn hóa tổ dân phố 4	7.255	4.355	3.265	2.180	1.260	
16.2	Từ đầu nhà ông Nguyễn Mạnh Hà đến điểm cuối là nhà ông Dương Quốc Viên	7.255	4.355	3.265	2.180	690	
17	Từ đầu cầu cứng tổ dân phố 5 đến vị trí 1 đường Lê Hồng Phong và vị trí 1 đường Lò Văn Giá	8.050	4.830	3.625	2.415	1.210	
18	Đường Quốc lộ 4G						
-	Đoạn đường từ đất nghĩa trang liệt sỹ huyện hướng đi Sơn La đến hết địa phận Tổ dân phố 7, xã Sông Mã	3.400	2.040	1.530	1.020	680	
19	Đường 8/3						
19.1	Từ ngã 3 (giữa đường Hoàng Văn Thụ và đường 8/3) đến hết đất Chi cục Thuế	6.630	3.060	2.295	1.530	1.020	
19.2	Từ giáp đất Chi cục Thuế đến hết đất nhà bà Nguyễn Thị Lan	4.975	2.295	1.730	1.150	765	
19.3	Từ giáp đất nhà bà Nguyễn Thị Lan đến hết địa phận tổ dân phố 8 (hướng đi xã Huổi Một cũ)	3.060	1.530	1.150	765	510	
20	Đường Hoàng Công Chất						
20.1	Từ ngã 3 (giữa đường Hoàng Văn Thụ và đường 8/3) đến hết đất ao Tiểu đoàn cũ	5.610	3.370	2.295	1.530	1.020	
20.2	Từ hết đất ao Tiểu đoàn cũ (hướng đi xã Mường Lâm cũ) đến đường lên trường mầm non Sao Mai	5.145	3.086	2.110	1.405	935	
20.3	Từ đường lên trường mầm non Sao Mai đến hết đất tổ dân phố 11 (đến giáp đất nhà ông Lò Văn Tiến)	1.700	1.020	765	510	340	
21	Từ ngã tư giao với đường Hùng Vương (nhà ông Dương, ông Phụng) đến giáp vị trí 1 đường 8/3	5.740	1.275	970	640	425	
22	Đường Tỉnh lộ 113						

STT	Tên tuyến đường	Giá đất					Ghi chú
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	
22.1	Từ hết đất Trung tâm dịch vụ nông nghiệp đến đường vào bản Co Phường và đoạn từ hết đất nhà ông Phanh (Ngoan) đến hết đất bản Phòng Sài	680	410	310	205	140	
22.2	Từ hết đất Trung tâm dịch vụ nông nghiệp đến đường vào bản Co Phường và đoạn từ hết đất nhà ông Phanh (Ngoan) đến hết đất bản Phòng Sài	215	170	130	120	85	
22.3	Từ M21 hướng đi Nà Hìn - Phòng Sài đến hết đất nhà ông Phanh (Ngoan)	215	170	130	120	85	
22.4	Các bản khác còn lại trên đường Tỉnh lộ 113	120	85	80	75	70	
23	Quốc lộ 12 (Sông Mã - Bó Sinh)						
-	Đoạn đường thuộc địa phận tổ dân phố 11 (từ đất nhà ông Lò Văn Tiến) đến hết địa giới xã Sông Mã	190	155	120	95	80	
24	Trục đường giao thông chính; khu dân cư						
24.1	Phố Hoàng Quốc Việt (từ ngã ba Viện Kiểm sát (từ M21 tính từ đường Cách mạng tháng 8) đến, giáp vị trí 1 đường Lò Văn Giá)	3.230	1.940	1.455	970	510	
24.2	Từ M21 giao với đường Cách mạng tháng 8 (Nhà bà Cẩm Thị Ngọc Yến) đến hết nhà ông Tưởng Thế Tả (số nhà 20)	2.755	1.650	1.245	825	430	
24.3	Đường Lê Văn Lương Từ ngã ba xăng dầu TDP 11 (từ M21 tính từ đường Cách mạng tháng 8) đến hết đất nhà ông Trần Văn Tiến số nhà 20)	2.755	1.650	1.245	825	430	
24.4	Đường Chu Văn An (Từ nhà ông Lương Văn Thuông (từ M21 tính từ đường Cách mạng tháng 8) đến hết đất nhà ông Đỗ Ngọc Thảo)	3.230	1.940	1.455	970	510	
24.5	Đường Chu Văn An (Đường lên trường PTTH (từ mét 21 tính từ đường Lê Văn Tám) đến hết nhà ông Lò Văn Chính)	3.180	1.905	1.430	955	500	
24.6	Phố Đào Tấn (từ nhà ông Biên (từ M21 tính từ đường Cách mạng T8) đến vị trí 1 đường Thanh Niên.	3.180	1.905	1.430	955	500	
24.7	Phố Bến Phà (Đường từ đất trường Mầm Non (từ M21 tính từ đường Lê Văn Tám) đến vị trí 1 đường Thanh Niên)	2.475	1.490	1.115	740	390	
24.8	Từ nhà ông Hồng (Tính từ M21 đường Hoàng Văn Thụ đến hết đất kho Công ty thương nghiệp cũ)	2.860	1.720	1.285	860	460	
24.9	Phố Nguyễn Lương Bằng (từ vị trí tiếp giáp đất nhà ông Lò Văn Nghĩa (số nhà 90) đến đường Thanh Niên	2.380	1.430	1.075	715	380	
24.10	Phố Lý Thường Kiệt (từ vị trí tiếp giáp đất nhà ông Lê Duy Ninh (số nhà 80) đến đường Thanh niên	2.380	1.430	1.075	715	380	
24.11	Phố Ngô Gia Tự (từ vị trí tiếp giáp đất nhà ông Không Văn Tạo (số nhà 70) đến đường Thanh niên	2.380	1.430	1.075	715	380	
24.12	Phố Kim Đồng (từ vị trí tiếp giáp đất Bưu điện đến hết đất nhà ông Hùng	2.380	1.430	1.075	715	380	
24.13	Từ vị trí tiếp giáp đất nhà ông Nguyễn Tiến Dũng (số nhà 19) đến hết đất nhà ông Dương Văn Quang	1.905	1.140	860	570	310	
24.14	Từ hết đất nhà bà Trần Thị Định (số nhà 225) đến nhà ông Đặng Văn Biên - Sáng (số nhà 02, tổ dân phố 5)	1.270	760	570	385	200	
24.15	Từ M21 tính từ đường Cách Mạng Tháng Tám (ông Lò Văn Chính số nhà 142) đến M21 đường Lò Văn Giá (ông An Hải Hậu số nhà 11)	1.590	955	715	480	260	
24.16	Từ hết đất Trại y tế thị trấn Sông Mã cũ (nay thuộc xã Sông Mã) đến hết đất bãi bơi (ông Chuyển) và đường rẽ từ đường Hoàng Công Chất đến ngã 3 nhà bà Vũ Thị Thanh Hải	425	255	196	130	85	
24.17	Từ hết đất bãi bơi (ông Chuyển) đến hết đất nhà ông Anh (Hương)	340	205	155	105	70	
25	Khu đô thị phía Tây Sông Mã						
25.1	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/500 khu phía tây Sông Mã- thị trấn Sông Mã (Khu 6 và Khu 9) cũ (nay thuộc xã Sông Mã)						
-	Đường Hùng Vương	8.840	-	-	-		
-	Đường Lê Thái Tông	2.860					
-	Phố Phạm Văn Đồng	2.450					
-	Phố Lý Nam Đế	2.450					
-	Đường Nguyễn Huệ	5.735					
-	Phố An Dương Vương	2.450					
25.2	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu đô thị Hùm Mai - Thị trấn Sông Mã cũ (nay thuộc xã Sông Mã)						
-	Đường Hùng Vương	8.840					
-	Võ Nguyên Giáp	7.735					
-	Đường quy hoạch 13,5 m	3.400					
-	Đường quy hoạch 11,5 m	2.435					
-	Đường quy hoạch 7,5 m	2.125					
-	Đường quy hoạch 6,5 m	1.955					
-	Đường quy hoạch 5,5 m	1.785					

7. BẢNG 07: ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP
BẢNG 7.56. XÃ SÔNG MÃ

(Kèm theo Công văn số: /UBND-KT ngày 20 tháng 11 năm 2025 của UBND xã Sông Mã)

Đơn vị: nghìn đồng/m²

STT	Tên tuyến đường	Giá đất					Ghi chú
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	
1	Đường Cách mạng tháng 8						
1.1	Từ ngã tư giao với đường Lý Tự Trọng đến ngã tư giao với đường 19 tháng 5	10.150	6.090	4.575	3.045	1.600	
1.2	Từ ngã tư giao với đường 19/5 đến ngã ba giao với đường Nguyễn Đình Chiểu	9.500	5.700	4.280	2.850	1.500	
1.3	Từ ngã ba Trung tâm y tế đến ngã ba giao với đường Võ Thị Sáu	7.280	4.370	3.280	2.185	1.150	
1.4	Từ ngã ba giao với đường Võ Thị Sáu đến đường rẽ Lý Tự Trọng	7.935	4.760	3.570	2.380	1.250	
1.5	Từ ngã ba giao với đường Nguyễn Đình Chiểu đến ngã tư Ngân hàng Nông nghiệp	9.240	5.545	4.160	2.775	1.460	
2	Đường Hồ Xuân Hương	9.850	5.910	4.435	2.955	1.550	
3	Đường 19 tháng 5						
3.1	Từ ngã tư (đèn tín hiệu giao thông) đến Cầu Treo cũ (hết đất nhà bà Văn Anh)	10.150	6.090	4.575	3.045	1.600	
3.2	Từ ngã tư (đèn tín hiệu giao thông) đến ngã ba giao với đường Nguyễn Đình Chiểu	6.500	3.900	2.930	1.950	1.020	
4	Đường Hoàng Văn Thụ						
4.1	Từ đầu cầu cứng đến đường Cách mạng tháng 8	7.840	4.705	3.530	2.355	1.240	
4.2	Từ đầu cầu cứng đến ngã tư giao với đường Mùng 8/3, Hoàng Công Chất	5.390	3.235	2.205	1.470	980	
5	Đường Lò Văn Giá						
5.1	Từ ngã ba giáp đường 19/5 đến ngã ba giáp đường Lý Tự Trọng	9.850	5.910	4.435	2.955	1.550	
5.2	Từ ngã ba giáp đường Lý Tự Trọng đến ngã tư cầu cứng Tô dân phố 5	5.975	3.585	2.690	1.795	950	
6	Đường Lê Văn Tâm	9.240	5.545	4.160	2.775	1.460	
7	Đường Nguyễn Đình Chiểu						
7.1	Từ M21 tính từ đường Cách mạng tháng 8 đến giáp đường Thanh niên	6.630	3.980	2.985	1.990	1.050	
7.2	Từ M21 tính từ đường Cách mạng tháng 8 đến hết ông Hoàng Văn Thuyền (số nhà 7)	6.070	3.640	2.730	1.820	960	
7.3	Đoạn Từ hết đất nhà ông Hoàng Văn Thuyền (khu vực kênh thoát nước tổ dân phố 4) đến hết đất nhà bà Lò Thị Hoa (số nhà 57)	4.715	2.830	2.125	1.415	750	
7.4	Từ hết đất nhà bà Hoa (Công an xã) đến hết đất M21 đường Cách mạng Tháng Tám	4.060	2.440	1.830	1.220	640	
8	Phố Hai Bà Trưng	7.330	4.400	3.300	2.200	1.160	
9	Đường Mông 2 tháng 9						
9.1	Từ Chợ Công đồng đến ngã ba bản Địa	5.975	3.585	2.690	1.795	950	
9.2	Từ ngã ba bản Địa đến hết đất nhà ông Tòng Văn O (số nhà 41)	3.850	2.310	1.740	1.155	580	
9.3	Từ vị trí tiếp giáp đất nhà ông Tòng Văn O (số nhà 41) đến hết đất nhà ông Lợi	2.955	1.775	1.330	890	450	
10	Đường Biển Hòa						
10.1	Từ ngã ba Chợ cộng đồng đến hết đất trụ sở Nhà máy nước	5.370	3.220	2.415	1.610	850	
10.2	Từ hết đất trụ sở Nhà máy nước đến cầu Nà Hin	4.435	2.660	1.995	1.330	700	
11	Đường Thanh Niên						
11.1	Từ ngã ba giao với đường 19/5 (Đất nhà ông Thiện Hào) đến ngã ba giao với đường Nguyễn Đình Chiểu	7.330	4.400	3.300	2.200	1.160	
11.2	Từ ngã ba giao với Đường Nguyễn Đình Chiểu đến ngã ba Chợ cộng đồng	6.675	4.005	3.005	2.005	1.000	
12	Đường Nguyễn Thái Học	4.820	2.895	2.170	1.445	760	
13	Đường Võ Thị Sáu	4.195	2.515	1.890	1.260	670	
14	Đường Lý Tự Trọng						
14.1	Từ M21 tính từ Quốc lộ 4G đến hết đất Công an xã	5.370	3.220	2.415	1.610	850	
14.2	Từ hết đất Công an xã đến hết đường	3.360	2.020	1.515	1.010	530	
15	Đường Lê Hồng Phong						
15.1	Từ đất Trung tâm y tế huyện cũ đến giáp đất nhà ông Lê Hữu Ngọc	6.630	3.980	2.985	1.990	1.050	
15.2	Từ đường vào Tổ Cảnh sát PCCC và CNCH khu vực Sông Mã đến đất nghĩa trang liệt sỹ huyện cũ	4.200	2.520	1.890	1.260	840	
15.3	Từ hết đất cây xăng Anh Trang đến đường vào Tổ Cảnh sát PCCC và CNCH khu vực Sông Mã	4.900	2.940	2.205	1.470	980	
15.4	Từ đất nhà ông Lê Hữu Ngọc đến hết đất cây xăng Anh Trang	4.200	2.520	1.890	1.260	840	
16	Phố Nguyễn Du (từ UBND thị trấn Sông Mã (cũ) đến nhà văn hóa tổ dân phố 4 và từ đầu nhà ông Nguyễn Mạnh Hà đến điểm cuối là nhà ông Dương Quốc Viên)						
16.1	Từ UBND thị trấn Sông Mã (cũ) đến nhà văn hóa tổ dân phố 4	5.975	3.585	2.690	1.795	1.040	
16.2	Từ đầu nhà ông Nguyễn Mạnh Hà đến điểm cuối là nhà ông Dương Quốc Viên	5.975	3.585	2.690	1.795	570	
17	Từ đầu cầu cứng tổ dân phố 5 đến vị trí 1 đường Lê Hồng Phong và vị trí 1 đường Lò Văn Giá	6.630	3.980	2.985	1.990	990	
18	Đường Quốc lộ 4G						
-	Đoạn đường từ đất nghĩa trang liệt sỹ huyện hướng đi Sơn La đến hết địa phận Tổ dân phố 7, xã Sông Mã	2.800	1.680	1.260	840	560	
19	Đường 8/3						
19.1	Từ ngã 3 (giữa đường Hoàng Văn Thụ và đường 8/3) đến hết đất Chi cục Thuế	5.460	2.520	1.890	1.260	840	
19.2	Từ giáp đất Chi cục Thuế đến hết đất nhà bà Nguyễn Thị Lan	4.095	1.890	1.425	945	630	
19.3	Từ giáp đất nhà bà Nguyễn Thị Lan đến hết địa phận tổ dân phố 8 (hướng đi xã Huổi Mót cũ)	2.520	1.260	945	630	420	
20	Đường Hoàng Công Chất						
20.1	Từ ngã 3 (giữa đường Hoàng Văn Thụ và đường 8/3) đến hết đất ao Tiểu đoàn cũ	4.620	2.775	1.890	1.260	840	
20.2	Từ hết đất ao Tiểu đoàn cũ (hướng đi xã Mường Lầm cũ) đến đường lên trường mầm non Sao Mai	4.235	2.545	1.740	1.155	770	
20.3	Từ đường lên trường mầm non Sao Mai đến hết đất tổ dân phố 11 (đến giáp đất nhà ông Lò Văn Tiến)	1.400	840	630	420	280	
21	Từ ngã tư giao với đường Hùng Vương (nhà ông Dương, ông Phụng) đến giáp vị trí 1 đường 8/3	4.725	1.050	795	525	350	
22	Đường Tỉnh lộ 113						

STT	Tên tuyến đường	Giá đất					Ghi chú
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	
22.1	Từ hết đất Trung tâm dịch vụ nông nghiệp đến đường vào bản Co Phường và đoạn từ hết đất nhà ông Phanh (Ngoan) đến hết đất bản Phòng Sài	560	340	255	170	115	
22.2	Từ hết đất Trung tâm dịch vụ nông nghiệp đến đường vào bản Co Phường và đoạn từ hết đất nhà ông Phanh (Ngoan) đến hết đất bản Phòng Sài	175	140	105	95	70	
22.3	Từ M21 hướng đi Nà Hin - Phòng Sài đến hết đất nhà ông Phanh (Ngoan)	175	140	105	95	70	
22.4	Các bản khác còn lại trên đường Tỉnh lộ 113	95	80	75	70	65	
23	Quốc lộ 12 (Sông Mã - Bó Sinh)						
-	Đoạn đường thuộc địa phận tổ dân phố 11 (từ đất nhà ông Lò Văn Tiên) đến hết địa giới xã Sông Mã	155	130	95	80	65	
24	Trục đường giao thông chính; khu dân cư						
24.1	Phố Hoàng Quốc Việt (từ ngã ba Viện Kiểm sát (từ M21 tính từ đường Cách mạng tháng 8) đến, giáp vị trí 1 đường Lò Văn Giá)	2.660	1.600	1.200	800	420	
24.2	Từ M21 giao với đường Cách mạng tháng 8 (Nhà bà Cẩm Thị Ngọc Yên) đến hết nhà ông Tường Thế Tá (số nhà 20)	2.270	1.360	1.025	680	360	
24.3	Đường Lê Văn Lương Từ ngã ba xăng dầu TDP 11 (từ M21 tính từ đường Cách mạng tháng 8) đến hết đất nhà ông Trần Văn Tiến số nhà 20)	2.270	1.360	1.025	680	360	
24.4	Đường Chu Văn An (Từ nhà ông Lương Văn Thường (từ M21 tính từ đường Cách mạng tháng 8) đến hết đất nhà ông Đỗ Ngọc Thảo)	2.660	1.600	1.200	800	420	
24.5	Đường Chu Văn An (Đường lên trường PTHH (từ mét 21 tính từ đường Lê Văn Tám) đến hết nhà ông Lò Văn Chính)	2.615	1.570	1.180	785	410	
24.6	Phố Đào Tấn (từ nhà ông Biên (từ M21 tính từ đường Cách mạng T8) đến vị trí 1 đường Thanh Niên.	2.615	1.570	1.180	785	410	
24.7	Phố Bến Phà (Đường từ đất trường Mầm Non (từ M21 tính từ đường Lê Văn Tám) đến vị trí 1 đường Thanh Niên)	2.040	1.225	920	610	320	
24.8	Từ nhà ông Hồng (Tính từ M21 đường Hoàng Văn Thụ đến hết đất kho Công ty thương nghiệp cũ)	2.355	1.415	1.060	710	380	
24.9	Phố Nguyễn Lương Bằng (từ vị trí tiếp giáp đất nhà ông Lò Văn Nghĩa (số nhà 90) đến đường Thanh Niên	1.960	1.180	885	590	320	
24.10	Phố Lý Thường Kiệt (từ vị trí tiếp giáp đất nhà ông Lê Duy Ninh (số nhà 80) đến đường Thanh niên	1.960	1.180	885	590	320	
24.11	Phố Ngõ Gia Tự (từ vị trí tiếp giáp đất nhà ông Khổng Văn Tạo (số nhà 70) đến đường Thanh niên	1.960	1.180	885	590	320	
24.12	Phố Kim Đồng (từ vị trí tiếp giáp đất Bưu điện đến hết đất nhà ông Hùng	1.960	1.180	885	590	320	
24.13	Từ vị trí tiếp giáp đất nhà ông Nguyễn Tiến Dũng (số nhà 19) đến hết đất nhà ông Dương Văn Quảng	1.570	940	710	470	250	
24.14	Từ hết đất nhà bà Trần Thị Đình (số nhà 225) đến nhà ông Đặng Văn Biên - Sáng (số nhà 02, tổ dân phố 5)	1.045	625	470	315	170	
24.15	Từ M21 tính từ đường Cách Mạng Tháng Tám (ông Lò Văn Chính số nhà 142) đến M21 đường Lò Văn Giá (ông An Hải Hậu số nhà 11)	1.310	785	590	395	210	
24.16	Từ hết đất Trạm y tế thị trấn Sông Mã cũ (nay thuộc xã Sông Mã) đến hết đất bể bơi (ông Chuyển) và đường rẽ từ đường Hoàng Công Chất đến ngã 3 nhà bà Vũ Thị Thanh Hải	350	210	165	105	70	
24.17	Từ hết đất bể bơi (ông Chuyển) đến hết đất nhà ông Anh (Hương)	280	170	130	85	70	
25	Khu đô thị phía Tây Sông Mã						
25.1	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/500 khu phía tây Sông Mã- thị trấn Sông Mã (Khu 6 và Khu 9) cũ (nay thuộc xã Sông Mã)						
-	Đường Hùng Vương	7.280	-	-	-		
-	Đường Lê Thái Tông	2.355					
-	Phố Phạm Văn Đồng	2.020					
-	Phố Lý Nam Đế	2.020					
-	Đường Nguyễn Huệ	4.730					
-	Phố An Dương Vương	2.020					
25.2	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu đô thị Hưng Mai - Thị trấn Sông Mã cũ (nay thuộc xã Sông Mã)						
-	Đường Hùng Vương	7.280	-	-	-	-	
-	Vô Nguyễn Giáp	6.370	-	-	-	-	
-	Đường quy hoạch 13,5 m	2.800	-	-	-	-	
-	Đường quy hoạch 11,5 m	2.005	-	-	-	-	
-	Đường quy hoạch 7,5 m	1.750	-	-	-	-	
-	Đường quy hoạch 6,5 m	1.610	-	-	-	-	
-	Đường quy hoạch 5,5 m	1.470	-	-	-	-	